Tự Điển Phật học Việt-Anh Tuệ Quang (Thiện Phúc; Nguyên Tánh thêm chữ Hán & hình) - Phe

Tự Điển Phật học Việt-Anh Tuệ Quang (Thiện Phúc; Nguyên Tánh thêm chữ Hán & hình)

Phe Phép: Authorization—Permission—Permit.

Phép Lạ: See Phép mầu.

Phép Lịch Sự: Civility—Courtesy.

Phép Mầu: Miracle—Mysterious power.

Phép Rửa Tội: Externalists believe that the Sacrament of Baptism or Christianity case wash away all their sins.

Phét: To boast—To brag about oneself.

Phê Án: An order of a court.

Phê Bình: To criticize constructively—To comment.

Phê Bình Phản Tỉnh: Critical reflection.

Phê Chuẩn: To ratify—To conffirm—To approve.

Phê Duyệt: See Phê chuẩn.

Phê Na,, Một loại sáo Ấn Độ—An Indian lute

Phế: To dethrone—To depose.

Phế Bãi: To abolish—To suppress—To nullify.

Phế Bỏ: See Phế Bãi.

Phệ: Sủa (như chó)—To bark (as a dog).

Phệ Đà,, Kinh Vệ Đà—Veda (skt)

Phệ Lam,, Vairam (skt)—Một loại gió—A kind of wind

Phệ Lam Bà,, Vairambha (skt)—Một loại mãnh phong—A kind of fierce wind

Phệ Lô Già Na: Vairocana (skt)—Phệ Lô Giả Na—Tỳ Lô Giá Na—Tỳ Lư Xá Na—Tên tiếng Phạn của Pháp thân Phật Đại Nhựt Như Lai—The Sanskrit name for the dharmakaya of Vairocana Buddha.

Phệ Lưu Ly,, vaidurya (skt)—Tỳ Lưu Ly—Lưu Ly Tỳ Đầu Lê—Tỳ Trù Lê Dạ—Ngọc bích (màu xanh da trời)—Lapis lazuli

Phệ Thất La Mạt Nã,, Vaisravana or Dhananda, or Vessanvana (skt)—Tỳ Thất La Mãn Nang—Tỳ Xá La Bà Nô—Tỳ Sa Môn hay Đa Văn Thiên Vương, một trong Tứ Thiên Vương—A form of Kuvera, a god of wealth. A deva who hears much and is well-versed

** For more information, please see Tứ Thiên Vương.

Phệ Thế Sư,, Vaisesika (skt)—Phế Thế Sư Ca—Phệ Thế Sử Ca Xa Tát Đát La—Phái Thắng Luận dựa theo trước tác của Ngài Thế Thân—Paramartha-satya-sastra, a philosophical work by Vasubandhu.

Phệ Xá,, Vaisya (skt)—Phệ Xa—Tỳ Xá—Giai cấp buôn bán, giai cấp thứ ba trong bốn giai cấp Ấn Độ—The third of the four Indian castes

Phệ Xá Già: Vaisakha (skt)—Tháng thứ hai của Ấn Độ, từ 15 tháng hai đến 16 tháng ba âm lịch—The second Indian month, from 15th of the second to 16th of the third Chinese months.

** For more information, please see Thập Nhị Nguyệt.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.